

Số: 33^a/KH-UBND

Minh Tiến, ngày 31 tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Xây dựng Nông thôn mới Kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025

Căn cứ các Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa XXIV: Số 18-NQ/ĐU ngày 03/6/2021 về Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu xã Minh Tiến, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; số 11-NQ/ĐU ngày 12/02/2021 về Chương trình Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng cao và bền vững giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Đề án xây dựng huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên đạt nông thôn mới kiểu mẫu về bảo vệ môi trường và sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của thủ tướng chính phủ: Số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 01/CV-BCĐ ngày 07/3/2022 của BCĐ thực hiện Đề án xây dựng huyện Nông thôn mới kiểu mẫu;

UBND xã Minh Tiến xây dựng Kế hoạch Thực hiện “Đề án xây dựng huyện Phù Cù đạt nông thôn mới kiểu mẫu về bảo vệ môi trường và sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

THỰC TRẠNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ MINH TIẾN GIAI ĐOẠN 2011-2021

I. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- Năm 2011, khi cả xã bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, xã Minh Tiến mới đạt 5/19 tiêu chí, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa phát triển đồng bộ, vừa thiếu, vừa yếu; sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún, công nghiệp, thương mại dịch vụ chưa phát triển; tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao...thu nhập bình quân đầu người đạt 9,6 triệu đồng/người/năm; cơ cấu kinh tế NN-TTCN-TMDV là 55%-20%-25%; giá trị thu trên ha đất canh tác đạt 47 triệu đồng/ha/năm; tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí tiếp cận đơn chiều) là 10%, đời sống vật

chất và tinh thần của người dân còn nhiều khó khăn.

- Sau 11 năm triển khai, tổ chức thực hiện, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi nhận thức của đa số người dân và trở thành phong trào rộng khắp toàn xã. Tính đến năm 2021 cơ cấu kinh tế NN-CN, XD-TM, DV là 36%-29%-35%; thu nhập bình quân đầu người đạt 60.000.000 đồng/người/năm, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 175 triệu đồng, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025) giảm còn 2,5%; hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, cảnh quan khang trang, hiện đại, môi trường “xanh - sạch - đẹp”.

- Sản xuất nông nghiệp có bước tiến vượt bậc, tính đến tháng 2/2022 xã đã thực hiện chuyển đổi được 240,15 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây vải lai chín sớm Phù Cừ; trong vụ lúa Xuân 2022 có 10ha diện tích lúa gieo cấy bằng máy (sử dụng mạ khay); việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, trình độ thâm canh...giúp diện tích, năng suất, chất lượng nông sản đều tăng, sản lượng nhân, vải trung bình hàng năm đạt 15 tấn/ha, sản lượng lúa đạt 70 tạ/ha, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, phát triển theo hướng hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh giảm nghèo nông thôn.

- Nguồn vốn huy động cho Chương trình MTQG xây dựng NTM toàn xã giai đoạn 2011-2021 là: 284.723,722 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách tỉnh: 106.818,297 triệu đồng (chiếm 37,52%); vốn ngân sách huyện 27.881,260 triệu đồng (chiếm 9,79%); vốn ngân sách cấp xã 28.464,389 triệu đồng (chiếm 10%); nhân dân đóng góp 121.559,776 triệu đồng (chiếm 42,69 %) số ngày công lao động đóng góp của người dân là 1.061 ngày công. Nguồn vốn do Ngân sách nhà nước cấp trên đầu tư được phân bổ, quản lý, sử dụng đảm bảo đúng nguyên tắc, mục đích, đối tượng và là nguồn lực quan trọng trong hỗ trợ xã xây dựng NTM. Đối với các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, Đề án, Dự án khác, xã tập trung đầu tư thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, trong đó ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh như: GTNT, thủy lợi nội đồng, vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...

- Năm 2019: Xã Minh Tiến được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (tại Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên).

- Năm 2021: Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (tại Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên).

Thôn Phạm Xá được công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu (tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND huyện Phù Cừ).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được

Sau 11 năm xây dựng NTM và hơn 02 năm được công nhận xã đạt chuẩn NTM, xã Minh Tiến đã không ngừng phấn đấu hoàn thiện, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt. Kết quả đạt được khá rõ nét, kinh tế nông nghiệp nông

thôn không ngừng phát triển, hệ thống điện, đường giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND xã, nhà văn hóa xã được đầu tư nâng cấp; các công trình xây dựng nhà ở của nhân dân được kiến thiết khang trang; vệ sinh môi trường thôn, xóm xanh-sạch-đẹp; công tác giữ gìn an ninh trật tự và nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương được phát huy tốt; đời sống vật chất, tinh thần, văn hóa của nhân dân được nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Đồ án quy hoạch xây dựng NTM xã đã được UBND huyện phê duyệt, xong công tác cắm mốc giới mới chưa hoàn thiện.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn, vốn ngân sách Nhà nước còn thấp so với yêu cầu; vốn huy động trong dân hạn chế; vốn huy động từ các doanh nghiệp không nhiều nên việc triển khai thực hiện các hạng mục công việc theo đề án xã chưa đáp ứng được tiến độ đề ra.

- Tỷ lệ các tuyến đường sản xuất chính nội đồng, hệ thống kênh tưới, tiêu được kiên cố hóa bằng BTXM chưa cao. Nhà văn hóa các thôn, chợ, trạm y tế xã cần tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp. Việc thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật chưa được triệt để do việc triển khai lắp đặt các khoanh công có nắp đậy để đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại đường trục chính nội đồng còn chậm.

- Sản xuất nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương; liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ hàng hóa nông sản của nông dân còn hạn chế; việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp chưa được nhân rộng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU, KHU DÂN CƯ NTM KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021- 2025

I. MỤC TIÊU CHUNG

- Tiếp tục nâng cao chất lượng tiêu chí xã đã đạt trong xây dựng nông thôn mới nâng cao. Xây dựng xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (*Tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*). Xây dựng 02 thôn đạt các tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu (*theo Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về ban hành Bộ tiêu chí về khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng yên*), đồng thời kịp thời cụ thể hóa việc điều chỉnh, áp dụng các tiêu chí nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Chính phủ và của tỉnh.

- Lộ trình cụ thể như sau:

+ Năm 2022 thôn Phù Oanh đạt khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, năm

2023 thôn Kim Phương đạt khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Năm 2023 xã đạt NTM kiểu mẫu (về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025).

+ Giai đoạn 2023 - 2025: Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt trong giai đoạn 2021 - 2023, kinh tế phát triển toàn diện, bền vững; dân chủ được phát huy, bản sắc văn hóa được bảo tồn, quốc phòng, ANTT được giữ vững, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa với phát triển dịch vụ; môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, hệ thống chính trị vững mạnh.

II. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg của thủ tướng chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; xã phấn đấu về đích xây dựng NTM năm 2023 với các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Rà soát, thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của thủ tướng chính phủ, ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; kịp thời cụ thể hóa các tiêu chí nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định của tỉnh (sau khi UBND tỉnh ban hành).

(Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2021-2025 chi tiết tại Phụ lục I)

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã: Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, các ngành sản xuất đa dạng gắn liền với phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn tạo việc làm và góp phần nâng cao thu nhập cho hàng trăm lao động hàng năm. Phấn đấu thu nhập bình quân đầu người đạt chuẩn NTM năm 2023 đạt trên ≥ 75 triệu đồng/người/năm.

3. Có ít nhất một mô hình thôn thông minh (xây dựng và triển khai thực hiện sau khi có quy định của UBND tỉnh).

4. Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu (mang giá trị đặc trưng của địa phương) về sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 cần tập trung thực hiện các nội dung sau *(chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo)*.

III. XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ NTM KIỂU MẪU

Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên về ban hành Bộ tiêu chí về khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là cơ sở để xã triển khai xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

2.1. Quản lý khu dân cư: Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội; thực hiện quy định về quản lý hoạt động xây

dựng khu dân cư, có mốc chỉ giới tại các công trình công cộng, tuyến đường trục chính, không có tình trạng lấn chiếm đất công và trường hợp người dân vi phạm quy định về quản lý, sử dụng điện năng. Có ít nhất 02 năm liên tiếp (tính đến thời điểm đánh giá) không có hoạt động chống phá Đảng, chính quyền, xâm phạm an ninh quốc gia; không có công dân vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến bị xử lý hình sự; không để phát sinh thêm người mắc tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, huấn luyện dân quân theo quy định; ít nhất 02 năm liên tiếp, liền kề (tính đến thời điểm đánh giá), không có trường hợp trốn, tránh nghĩa vụ quân sự. Xếp loại cuối năm của chi bộ thôn đạt "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" ít nhất 02 năm liên tiếp, liền kề (tính đến thời điểm đánh giá).

2.2. Hạ tầng cơ sở: 100% các tuyến đường thôn có chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m được cứng hóa, có hệ thống thoát nước đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, ô tô đi lại thuận tiện. 100% các tuyến đường liên xóm, đường xóm có chiều rộng mặt đường tối thiểu 2m, được cứng hóa, có hệ thống thoát nước đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, đi lại thuận tiện. Thôn có nhà văn hóa độc lập đạt chuẩn. 100% hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn.

2.3. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: 100% trẻ em dưới 06 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo Chương trình tiêm chủng mở rộng. Trên 95% người dân tham gia BHYT. Ít nhất 2 năm liên tiếp, liền kề (tính đến thời điểm đánh giá), thôn không có trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự, không có trẻ em bị tai nạn thương tích dẫn đến tử vong. 100% hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch. Thôn không có hộ nghèo (trừ các hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội, do tai nạn rủi ro bất khả kháng, do bệnh hiểm nghèo).

2.4. Văn hóa, gắn kết cộng đồng: Thôn có tối thiểu 01 câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên hiệu quả. Có tối thiểu 05 năm liên tiếp được công nhận "Làng văn hóa" tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận. Trên 92% hộ gia đình được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa". Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

2.5. Môi trường, cảnh quan: Trên 85% số hộ gia đình trong thôn thực hiện phân loại rác thải hữu cơ và được xử lý theo quy định; hàng tuần tổ chức tổng vệ sinh đường làng, ngõ, xóm, khu dân cư. 100% tuyến đường chính được trồng đồng bộ cây bóng mát, hoa, cây cảnh hoặc trang trí khác tạo cảnh quan môi trường. 100% các tuyến đường chính có hệ thống chiếu sáng, rãnh thoát nước (nếu có) có nắp đậy.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý

- Thành lập và thường xuyên kiện toàn BCD, BQL xây dựng NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò của người đứng đầu. Các ban, ngành đoàn thể, các thôn đưa các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vào chương trình công tác hàng năm, nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các thôn triển khai thực hiện các nhiệm vụ, nội dung xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tiến độ, đúng định hướng chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, của huyện, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các thôn, chủ động đề xuất các giải pháp, báo cáo, đề xuất UBND xã, Ban Chỉ đạo xã, UBND huyện, BCD huyện kịp thời tháo gỡ.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, vai trò nòng cốt của UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể trong việc tập trung tuyên truyền, vận động sâu rộng để nhận thức đúng về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình. Đồng thời là vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tăng cường vai trò của các ngành, đoàn thể trong việc vận động đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp...phát huy sức mạnh tổng hợp, xã hội hóa, thu hút nguồn lực để xây dựng nông thôn mới.

- Phát động và đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015-2025 trong toàn xã và ở từng thôn. Tăng thời lượng phát sóng, mở thêm các chuyên mục, chuyên trang về xây dựng nông thôn mới, phổ biến những mô hình hay, những điểm sáng trong xây dựng NTM, kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những nhân tố mới, điển hình tiêu biểu tiên tiến, những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và những bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, tập trung phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông thôn, trước hết phục vụ nhu cầu dân sinh sau đó là những công trình phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh thực hiện quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, tăng giá trị và hiệu quả, nhân rộng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên đầu tư áp dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản.

- Có cơ chế khuyến khích tích tụ ruộng đất, đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, tiếp tục chuyển đổi trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây vải lai chín sớm, xây dựng vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư...theo quy hoạch đã được duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, liên kết chặt chẽ với nông dân, xây dựng chuỗi giá trị hàng hóa, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản.

- Thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; tiếp nhận, giải quyết kịp thời các đề xuất và tạo mọi điều kiện thuận

lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã theo quy định. Quan tâm, tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh mở rộng quy mô, đổi mới trang thiết bị theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn xã.

4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tạo điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các ngành công nghiệp dịch vụ, lao động xuất khẩu... Tuyên truyền kiến thức cho nông dân về pháp luật, cơ chế chính sách của các cấp về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật canh tác hiện đại phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp.

5. Về cơ chế và huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện theo Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn khác của Trung ương, của tỉnh, gồm:

5.1. Nguyên tắc hỗ trợ: Tiếp nhận và triển khai các ưu tiên hỗ trợ của cấp trên theo lộ trình đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

5.2. Về cơ chế

- Tiếp nhận và triển khai hiệu quả các Chương trình, Đề án, Dự án của Trung ương, của tỉnh, huyện trực tiếp hoặc lồng ghép cho Chương trình nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra. Rà soát, đề nghị, tiếp nhận các cơ chế hỗ trợ đặc thù theo Thông báo của Ban Thường vụ Huyện ủy hàng năm nhằm hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, NTM kiểu mẫu, KDC NTM kiểu mẫu.

- Xây dựng cơ chế, triển khai các chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện nhằm khuyến khích và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, nông thôn, khuyến khích liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, HTX trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường.

6. Giải pháp về nguồn vốn

Huy động, tận dụng tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện Chương trình; chủ động áp dụng linh hoạt cơ chế, chính sách (bao gồm cả các chính sách đặc thù), huy động vốn cho phù hợp với từng thời kỳ, các nguồn vốn được thực hiện đảm bảo theo quy định.

6.1. Nguồn vốn ngân sách

Căn cứ kế hoạch, quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã được UBND huyện phê duyệt; xây dựng kế hoạch hàng năm, xác định cụ thể danh mục đầu tư, công việc phải làm theo thứ tự ưu tiên, phân rõ nguồn vốn đầu tư thực hiện, báo cáo UBND huyện để tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh. Tiếp nhận, phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình cho các công trình, dự án đảm bảo hợp lý, khoa học và có hiệu quả. Nguồn vốn ngân sách bao gồm:

- Vốn trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.
- Vốn từ các dự án hỗ trợ có mục tiêu đang và sẽ tiếp tục triển khai trên địa bàn xã.
- Nguồn ngân sách tỉnh: Hàng năm trên cơ sở đề xuất của xã, huyện tổng hợp, báo cáo đề xuất tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí để thực hiện.
- Nguồn ngân sách cấp huyện, xã: Hàng năm HĐND huyện, xã cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách hỗ trợ cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

6.2. Nguồn vốn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, vốn tín dụng

- Ưu tiên bố trí vốn cho các doanh nghiệp nông nghiệp (nếu có), HTX nông nghiệp, các trang trại, gia trại và các hộ nông dân phát triển sản xuất.
- Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được phân bổ theo chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, kết cấu hạ tầng nuôi trồng thủy sản và theo các danh mục quy định.
- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, thực hiện xã hội hóa đầu tư các công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải và một số công trình công ích khác.
- Tạo điều kiện thuận lợi để cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông thôn, nông nghiệp như: Các doanh nghiệp về điện; hạ tầng thương mại nông thôn; thông tin truyền thông; chế biến, tiêu thụ nông sản; cung cấp nước sạch; xử lý ô nhiễm môi trường...nhằm giải quyết việc làm lao động nông thôn, tăng thu nhập người dân và tăng ngân sách cho xã, đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.3. Nguồn vốn tham gia đóng góp của cộng đồng dân cư

Huy động từ nhân dân và người con xa quê đóng góp, tham gia chung tay xây dựng nông thôn mới thông qua hiến đất, tiền mặt, ngày công lao động...trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc.

III. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Dự kiến kinh phí thực hiện giai đoạn 2021-2025, tổng dự kiến trên 238 tỷ đồng, cụ thể: Nguồn ngân sách cấp trên hỗ trợ đạt trên 93 tỷ đồng; nguồn ngân sách xã và nguồn vốn hợp pháp khác: Trên 145 tỷ đồng.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND Tỉnh và Huyện tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM trên địa bàn xã trong thời gian tới, phấn đấu xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu theo mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Đề nghị UBND tỉnh, huyện tiếp tục quan tâm, đầu tư, có cơ chế tạo điều kiện cho xã được đầu giá quyền sử dụng đất dân cư để tạo nguồn kinh phí nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt trong thời gian tới.

Trên đây là Kế hoạch của UBND xã Minh Tiến về xây dựng Nông thôn mới Kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phù Cừ;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Thường trực Đảng ủy-HĐND-UBND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các thành viên Ban chỉ đạo XDNTM xã;
- Lưu: VP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

**Ngô Văn Quyên
CHỦ TỊCH UBND XÃ**

Phụ biểu 01:

Kết quả xây dựng NTM nâng cao, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2021-2025 xã Minh Tiến

(Kèm theo Kế hoạch số 33^a/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND xã Minh Tiến)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	UBND tỉnh quy định cụ thể	UBND huyện ban hành Quyết định số 3178/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 phê duyệt dự án rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.	Trên cơ sở rà soát, điều chỉnh, lập bổ sung quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2021 (hiện đã trình UBND tỉnh phê duyệt năm 2021) triển khai các danh mục, dự án theo kế hoạch phân kỳ hàng năm.
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.		Xã thực hiện quy chế quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và vệ sinh môi trường tại Quyết định số 38 ^b -QĐ/ĐU ngày 03/3/2017 của Đảng ủy xã.	Điều chỉnh, bổ sung quy chế phù hợp với tình hình của địa phương (nếu có).
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.		Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.		UBND tỉnh quy định cụ thể	Được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn là 8,8km/8,8km, chiều rộng mặt đường từ 3,5-9m (đạt 100%).	Bảo trì, nâng cấp các tuyến đường theo thông báo về chủ trương hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội hàng năm của BTV huyện ủy; danh mục hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của UBND huyện Phù Cừ; các hạng mục đường GTNT phân kỳ danh mục nghị quyết đầu tư công trung hạn 2021-2025 của UBND xã. Đảm bảo tuyến đường xã, thôn, liên thôn sáng – xanh – sạch – đẹp; nắp đặt các hạng mục cần thiết theo quy định, hướng dẫn của cấp trên .
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn.	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	100%	Được cứng hóa đạt chuẩn là 6,1/6,1km, chiều rộng mặt đường từ 4,4-6m (đạt 100%).	
		Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.		UBND tỉnh quy định cụ thể		Nắp đặt các hạng mục cần thiết theo quy định, hướng dẫn của cấp trên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.	$\geq 95\%$	Đường xóm và ngõ xóm được cứng hóa 18,72/18,72km, mặt đường rộng từ 3-5m (đạt 100%).	Bảo trì, nâng cấp các tuyến đường theo thông báo về chủ trương hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội hàng năm của BTV huyện ủy; danh mục hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của UBND huyện Phù Cừ; các hạng mục đường GTNT phân kỳ hàng năm theo danh mục nghị quyết đầu tư công trung hạn 2021-2025 của UBND xã. Đảm bảo tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp.
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.	UBND tỉnh quy định cụ thể	Có 3,32/22,59 km được cứng hóa bằng BTXM, các tuyến còn lại là đường đất được đầm lèn chặt, bằng phẳng, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện.	Cứng hóa các tuyến đường theo thông báo về chủ trương hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội hàng năm của BTV huyện ủy; danh mục hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của UBND huyện Phù Cừ; các hạng mục đường GTNT phân kỳ hàng năm theo danh mục nghị quyết đầu tư công trung hạn 2021-2025 của UBND xã đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥90%	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 430,69ha/430,69ha; tiêu chủ động là 607,08ha/607,08ha (đạt 100%).	UBND xã phối hợp với XNKTCCTL huyện, các thôn và nhân dân tiếp tục đầu tư, tu bổ, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đảm bảo tốt việc tưới tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh (đạt 100%).
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.	Đạt	Hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu của xã do Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi huyện quản lý. 03/03 thôn có tổ nông giang thường xuyên phối hợp cùng Xí nghiệp trong điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	UBND tỉnh quy định cụ thể		Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực (cây vải lai chín sớm) được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt từ 45% trở lên.
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.	UBND tỉnh quy định cụ thể	Hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu của xã do Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi huyện quản lý, bảo trì hàng năm. Các thôn tổ chức nạo vét đồng xuân hàng năm, hoàn thành, vượt kế hoạch giao của huyện (đạt 100%).	Đảm bảo 100% công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.	Đạt	Chưa thực hiện.	Thiết lập dữ liệu kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi...
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.	Khá	Hàng năm, UBND xã điều kiện toàn BCH, các Tiểu ban, Lực lượng xung kích, tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu; xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm 4 tại chỗ.	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	100%	Hệ thống lưới điện do ngành điện quản lý gồm 09 trạm biến áp, tổng công suất 1.620 KVA; đường dây trung áp 35 KV và 22 KV thuộc lưới điện quốc gia dài 1,1km; đường dây hạ áp phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh dài 12,5km. Toàn bộ hệ thống hiện sử dụng tốt, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. 100% hộ dân được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	Đảm bảo hệ thống điện an toàn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, 100% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn (do ngành điện quản lý).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.	100%	Trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Trường Mầm non có cơ sở vật chất đạt chuẩn.	- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường, phấn đấu nâng hạng mức trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, Tiểu học; phấn đấu trường mầm non xã đạt chuẩn Quốc gia trong năm 2022, cụ thể: - Trường mầm non xã: Xây dựng mới 07 phòng gồm khu hiệu bộ và phòng chức năng, 04 phòng học và các hạng mục phụ trợ (đã có trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025). - Trường THCS, TH: San lấp mặt bằng mở rộng khuôn viên 01 nhà trường (dự kiến thực hiện năm 2022) và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ trong các năm tiếp theo (theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Đạt	Xã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (đạt 100%).	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS.	Mức độ 3	Trường THCS, TH đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ.	Mức độ 2	Xóa mù chữ trường THCS, TH đạt mức độ 3, mầm non Đạt.	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại.	Khá	Chưa có	Xây dựng cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên.
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	UBND tỉnh quy định cụ thể	- Học sinh các nhà trường tham gia các hoạt động rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền qua các buổi học giáo dục thể chất, thể dục giữa giờ... - Xã có 01 ao bơi (ao trường Cấp II, có cấm biển báo khu vực bơi an toàn cho trẻ em)	Xây dựng có hiệu quả các mô hình theo hướng dẫn của cấp trên /
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	UBND tỉnh quy định cụ thể	03/03 thôn có 08 câu lạc bộ hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên (Thôn Phạm Xá có 01 CLB bóng truyền hơi, 01 đội văn nghệ; Thôn Kim Phương có 01 CLB dưỡng sinh, 01 CLB văn nghệ; thôn Phù Oanh có 01 CLB bóng bàn, 01 CLB bóng chuyền hơi, 01 CLB cầu lông, 01 đoàn tế nữ quan).	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã, quy hoạch có diện tích 1,5ha (đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của xã giai đoạn 2021-2025), có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	UBND tỉnh quy định cụ thể	Xã có Đền Phương Hoàng là di tích lịch sử quốc gia, năm 2021-2022 đã tiến hành tu sửa, nâng cấp đền chính và sân vườn; xây mới cổng, cầu, nhà khách, công trình phụ trợ.	Bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích đúng quy định.
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	UBND tỉnh quy định cụ thể	03/03 Thôn được UBND tỉnh công nhận “Làng văn hóa”, tính từ thời điểm được công nhận lần đầu (thôn Phạm Xá năm 2003, thôn Phù Oanh năm 2004, thôn Kim Phương năm 2005) đến năm 2021, 03 thôn liên tiếp được công nhận danh hiệu “Làng văn hóa”. - Thôn Phạm Xá đạt khu dân cư NTM kiểu mẫu năm 2021.	03 thôn duy trì, giữ vững danh hiệu “Làng văn hóa”. Căn cứ kế hoạch xây dựng NTM hàng năm của UBND xã, các thôn chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, phấn đấu về đích xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu đúng tiến độ đã đề ra (thôn Phù Oanh năm 2022, thôn Kim Phương năm 2023)
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	UBND tỉnh quy định cụ thể	Xã có 01 chợ nằm ở trung tâm xã, diện tích 2.800m ² , cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân. Chợ còn thiếu nhiều hạng mục phụ chợ, chợ chưa đạt chuẩn.	UBND xã có kế hoạch trình UBND huyện xây mới chợ trung tâm xã sang vị trí mới với diện tích 1ha, có đầy đủ công trình phụ trợ (nhà vệ sinh, nước sạch...), (đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của xã giai đoạn 2021-2025).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.		Xã có một điểm bưu điện phục vụ bưu chính, diện tích 240m ² , mở cửa 08 giờ/ngày. Có cơ sở hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ viễn thông, Internet của người dân.	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn xã đạt 90%.	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Xã có dịch vụ báo chí truyền thông (truyền thanh xã, báo giấy...).	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.		Xã hiện đang sử dụng phần mềm Hệ thống một cửa điện tử; phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Cổng thông tin điện tử UBND xã Minh Tiến, lãnh đạo xã sử dụng phần mềm chữ ký số trong xử lý các văn bản đi.	Sử dụng cũng như tiếp nhận sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).	UBND tỉnh quy định cụ thể	Có mạng wifi miễn phí ở trụ sở ĐU-HĐND-UBND xã, nhà văn hóa xã, đền Phụng Hoàng.	Lắp đặt mạng wifi miễn phí tại nhà văn hóa các thôn (sau khi tiến hành xây mới lại)...

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		UBND tỉnh quy định cụ thể	Toàn xã 1.330 ngôi nhà, trong đó: 381 nhà xây kiên cố cao tầng (tỷ lệ 28,6%); 541 nhà xây kiên cố một tầng (tỷ lệ 40,7%); 408 nhà cấp 4 (tỷ lệ 30,7%).	Rà soát, đề nghị tỉnh, huyện hỗ trợ sửa chữa, xây mới nhà ở cho các đối tượng người có công và hộ nghèo; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực lao động, sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng sống, tu sửa nhà cửa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và đời sống...
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người</i>)	Năm 2022	≥ 64	Ước đạt 70 triệu đồng/người/năm	Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, các ngành sản xuất đa dạng gắn liền với phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, tạo việc làm và góp phần nâng cao thu nhập cho lao động.
			Năm 2023	≥ 68	Trên 75 triệu đồng/người/năm.	
			Năm 2024	≥ 72		
			Năm 2025	≥ 76		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 của xã là 2,5% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).	Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm từ 0,3-0,5% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025).
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥85%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85,3%.	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) ≥85%.
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥35%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35,6%.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt ≥35%.
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	UBND tỉnh quy định cụ thể	Hiện trên địa bàn xã có 01 công ty TNHH Minh Tiến (chăn nuôi gà), 04 công ty may, 01 công ty TNHH Hương Quỳnh (sản xuất nước mắm), tạo việc làm thường xuyên cho hàng trăm lao động. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên là 3.481/3.649 người đạt 95,4%	Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, các ngành sản xuất đa dạng gắn liền với phát triển sản xuất nông nghiệp nông thôn, nâng cao tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	HXNN Minh Tiến phấn đấu trở thành HTX sản xuất ứng dụng công nghệ cao.	≥ 1	- HTXNN Minh Tiến hoạt động hiệu quả theo luật HTX 2012, gồm 17 thành viên sáng lập, liên kết sản xuất với 127 hộ trồng vải, nhãn (21,77ha vải; 3,83 ha nhãn) đều sản xuất theo quy trình VietGAP. - Vụ nhãn năm 2021, HTX liên kết với 02 công ty tại Hải Dương xuất 15 tấn nhãn Hương Chi sang thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản. - Năm 2021 HTX phối hợp cùng chi cục BVTV tỉnh, thực hiện mô hình sản xuất vải theo tiêu chuẩn OTAS với diện tích 12,8 ha của 93 hộ dân.	- HTXNN Minh Tiến tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất, từ vụ vải năm 2022 liên kết với công ty OTAS trong việc hướng dẫn người dân sản xuất quả vải đạt chuẩn xuất sang thị trường nước ngoài. - Thành lập mới thêm HTX nông nghiệp, THT.
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	UBND tỉnh quy định cụ thể	Sản phẩm quả vải lai chín sớm của HTXNN Minh Tiến đạt 3 sao OCOP, có giá trị đến tháng 7/2023.	Đến hết năm 2022 sản phẩm quả vải lai chín sớm của HTXNN Minh Tiến được nâng hạng từ 3 sao lên 4 sao, 02 sản phẩm quả nhãn tươi và long nhãn được đánh giá 3 sao OCOP, đồng thời tích cực sản xuất phấn đấu nâng hạng các sản phẩm OCOP trong các năm tiếp theo.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.	≥ 1	Xã đang thực hiện mô hình VietGAP và mô hình OTAS.	Diện tích sản xuất theo mô hình VietGAP và mô hình OTAS áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.	UBND tỉnh quy định cụ thể	Sản phẩm nhãn, vải của HTXNN Minh Tiến (sản xuất theo quy trình VietGAP) được gắn tem truy xuất nguồn gốc khi đưa ra thị trường tiêu thụ.	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.		Sản phẩm quả vải lai chín sớm của HTXNN Minh Tiến (là chủ lực của xã được đánh giá 3 sao OCOP) được bán trên trang web bán hàng của HTXNN Minh Tiến.	Giới thiệu, quảng bá, bán sản phẩm trên các trang thông tin điện tử: https://ketnoiocop.vn và https://ocophungyen.vn , các sàn giao dịch thương mại điện tử (shopee, postmart...).
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.		Toàn bộ diện tích vùng nguyên liệu tập trung trồng cây vải lai chín sớm và cây nhãn của HTXNN Minh Tiến (sản xuất theo quy trình VietGAP và OTAS) đã được cấp mã vùng.	Mở rộng diện tích sản xuất cũng như cấp mã vùng trồng cây vải lai chín sớm theo mô hình VietGAP.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.		Xã có Đền Phương Hoàng là di tích lịch sử quốc gia được quảng bá hình ảnh qua ứng dụng Internet, cổng thông tin điện tử huyện Phù Cừ, trang facebook riêng	Phát huy, tăng cường quảng bá giá trị, tiềm năng điểm di tích trên địa bàn xã thường xuyên, hiệu quả.
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).		Chưa có	Định hướng phát triển du lịch tâm linh gắn với du lịch sinh thái vùng vải lai chín sớm nhằm đẩy mạnh phát triển quảng bá sản phẩm, phát huy thế mạnh truyền thống văn hóa, bảo vệ môi trường.
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là 5.548/6.050 người (đạt 91,7%).	Đạt $\geq 95\%$.
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Trạm y tế đã lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe cho 5.914/5.914 người dân thường trú trên địa bàn xã (đạt 100%).	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).	$\geq 40\%$	Chưa thực hiện	Triển khai sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa theo hướng dẫn của cấp trên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 90\%$	Xã đã tổ chức thực hiện cài đặt ứng dụng VssID (của BHXH Việt Nam) cho 60% cá nhân có sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn xã (ứng dụng tiến tới được sử dụng để thay thế Sổ BHXH, Thẻ BHYT).	Tiếp tục cài đặt ứng dụng cho số hộ dân đạt $\geq 90\%$, cũng như triển khai các nội dung để thực hiện khám chữa bệnh điện tử cho nhân dân theo hướng dẫn của cấp trên.
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	UBND tỉnh quy định cụ thể	Xã hiện đang sử dụng phần mềm Hệ thống một cửa điện tử, thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Xã đang thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Xã giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định, không xảy ra khiếu nại vượt cấp.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Xã có 03 tổ hòa giải cơ sở ở 03 thôn hoạt động hiệu quả.	
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công	$\geq 90\%$	Từ năm 2019 đến nay xã có 11/11 vụ mâu thuẫn, tranh chấp thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công (đạt 100%).	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật luôn được chủ động bằng nhiều hình thức qua các Hội nghị giao ban hàng tháng, hàng quý của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong xã. Trung bình 1 năm xã tổ chức 01 lớp tuyên truyền giáo dục pháp luật, đảm bảo 100% đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	- Xã có 01 Công ty TNHH Minh Tiến (chăn nuôi gà) đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công ty TNHH chế biến thủy sản Hương Quỳnh (sản xuất nước mắm) nhập nguyên liệu sẵn có về ngâm ủ, nguồn chất thải chủ yếu là nước rửa dụng cụ, được xử lý qua hệ thống hầm Biogas. - Các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, kinh doanh...quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ có hệ thống xử lý chất thải qua hầm Biogas, ủ phân...	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Công ty TNHH Minh Tiến (đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường); công ty TNHH chế biến thủy sản Hương Quỳnh, chất thải chủ yếu là nước rửa dụng cụ (được xử lý qua hệ thống hầm biogas); xã có 102 hộ chăn nuôi, 19 hộ bán hàng tạp hóa, 03 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống, 03 hộ giết mổ lợn, 03 hộ sản xuất rượu, 01 hộ sản xuất bún có quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ, không thuộc đối tượng phải lập các thủ tục về bảo vệ môi trường.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 98\%$	03/03 thôn có tổ thu gom rác thải, định kỳ 01-02 lần/tuần thu gom, vận chuyển rác thải đến 03 điểm tập kết của thôn, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt trên 86% (thông qua mô hình phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình). Chất thải rắn không nguy hại trong hoạt động xây dựng, kiến thiết...được tận dụng để san nền làm móng công trình...không phát sinh xả thải ra môi trường.	Trên 98% chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định.
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 50\%$	Tỷ lệ hộ có nhà thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt qua bể chứa trước khi thải trực tiếp ra môi trường, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi sinh nở, không gây mùi là 1.776/1.776 hộ, đạt 100%.	- Xây dựng 02 điểm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy mô hộ gia đình (năm 2022 dự kiến xây dựng 01 điểm). Đồng thời xây dựng hệ thống thoát nước khi thiết kế, nâng cấp các tuyến đường GTNT.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50	Toàn xã có 1176/1372 hộ (đạt 86%) thực hiện mô hình phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình có hiệu quả.	Tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ mới tham gia thực hiện mô hình bằng hình thức xây hố, các hộ đã đào hố thực hiện mô hình đất chuyển sang xây hố.
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	- Các đường trục chính ra đồng chưa được bố trí khoanh công có nắp đậy để đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật dẫn đến vẫn còn 1 lượng vỏ thuốc bị vát ra mương, máng... - Rác thải y tế của Trạm y tế được phân loại xử lý tại lò đốt rác của trạm, rác thải nguy hại được đóng gói và vận chuyển lên Trung tâm y tế huyện để xử lý theo quy định.	- Lắp đặt 30 khoanh công có nắp đậy để đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên các tuyến đường trục chính nội đồng (theo thông báo hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của BTV huyện ủy) đảm bảo 100% vỏ bao bì được thu gom, xử lý theo quy định. - Tiếp tục xử lý rác thải y tế theo quy định.
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80	Chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng cho trồng trọt, chăn nuôi, đạt trên 90%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 95	Các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã có quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ (diện tích nhỏ hơn 50m ²), không thuộc đối tượng phải lập các thủ tục về BVMT theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Có 91/102 hộ chăn nuôi (đạt tỷ lệ 89,2%) có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, chất thải trong chăn nuôi được xử lý bằng hầm bioga, ủ phân... Một số hộ chăn nuôi lợn, bò nhỏ lẻ từ 01-03 con chưa có biện pháp xử lý chất thải, nước thải trong chăn nuôi triệt để.	UBND xã thành lập đoàn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm kiểm tra tới 100% các hộ, nhắc nhở và kí cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường hàng năm.
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.	UBND tỉnh quy định cụ thể	Nghĩa trang nhân dân của 03/03 thôn được xây dựng theo quy hoạch, có khu hungr táng và cát táng.	Quy hoạch các khu nghĩa trang tập trung của các thôn theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của UBND xã.
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 10\%$	Từ năm 2019 đến nay xã đã vận động được 11/72 trường hợp người chết đi hỏa táng (15,3%).	Tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, thực hiện hỏa táng cho người chết nhằm tiết kiệm quỹ đất, BVMT theo chủ trương chung của tỉnh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	- Hội liên hiệp Phụ nữ xã đã trồng được 6,2 km đường hoa tại các khoảng đất trống ở 2 bên đường qua khu dân cư, UBND xã triển khai trồng 1,6km đường hoa giấy, hoa ngũ sắc trên tuyến đường trục xã. Các khu vực công cộng, các tuyến đường liên thôn, đường nội đồng...được trồng các loại cây bóng mát, cây ăn quả...góp phần tạo cảnh quan. - 100% các nhà trường, nhà văn hóa các thôn, đền chùa các thôn được trồng các loại cây xanh.	Triển khai thực hiện tốt, đạt/vượt chỉ tiêu kế hoạch trồng cây nhân dân hàng năm theo KH của UBND huyện, UBND xã. Các thôn triển khai, tổ chức trồng các tuyến đường NTM kiểu mẫu theo kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/12/2021 của UBND xã Minh Tiến, dự kiến năm 2022 thôn Phù Oanh trồng 02 tuyến với tổng chiều dài khoảng 1,2km; thôn Phạm Xá trồng 01 tuyến với tổng chiều dài khoảng 0,5km, thôn Kim Phương trồng 01 tuyến dài 1,05km.
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	Trên địa bàn xã có 01 cơ sở thu gom phế liệu, chất thải nhựa tái sử dụng để vận chuyển đến các cơ sở tái chế, ngoài ra chất thải nhựa (vỏ chai...) của hộ gia đình được các hộ tái sử dụng cho các mục đích khác nhau, (đạt 90%).	Trên 90% chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 65\%$	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: Là 1.403/1.776 hộ (đạt 81,1%), trong đó có 33,5% số hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung.	Giao cho các ngành đoàn thể xã, các thôn tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân đầu nối, sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung (UBND xã xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu hàng năm). Năm 2022 phấn đấu nâng cao tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt trên 82%, trong đó có $\geq 65\%$ số hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, đồng thời
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	Nguồn nước sinh hoạt đạt chuẩn (từ hệ thống cấp nước tập trung) trên địa bàn xã do công ty Cổ phần Hải Trung HD cung cấp (với công suất thiết kế 10.000m ³ /ngày đêm, công suất đang sử dụng là 2.500m ³ /ngày đêm), mức công suất tối đa theo thiết kế đạt mức 350 lít nước/người/ngày, thời gian cấp nước 24/24 giờ.	Tiếp tục tuyên truyền, vận động, nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch.
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 45\%$	Không có công trình.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Hàng năm, 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm (lớp tập huấn do cấp trên tổ chức)	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Xã có 19 hộ bán hàng tạp hóa, 03 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống, 03 hộ giết mổ lợn, 03 hộ sản xuất rượu, 01 hộ sản xuất bún, hàng năm đều được UBND xã kiểm tra và ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm. Nhiều năm liền xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của xã).	Duy trì, phát huy thực hiện tốt kết quả đã đạt được.
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	UBND tỉnh quy định cụ thể	Xã có 01 công ty TNHH chế biến thủy sản Hương Quỳnh (có giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP); HTXNN Minh Tiến có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số 35/2021/NNPTNT-HY.	Tuyên truyền, vận động các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn xã đăng ký chứng nhận về an toàn thực phẩm

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	Xã có 1.776/1.776 hộ (đạt 100%) có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh (xây bằng gạch, bê tông, dùng bình trữ inox, nhựa...); thực hiện 3 sạch.	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	03/03 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn hàng năm đều được UBND huyện thuê đơn vị về san gạt, đảo trộn, phun chế phẩm; đồng thời UBND xã trích kinh phí ngân sách phun chế phẩm khử mùi, diệt ruồi, muỗi, côn trùng, đảm bảo vệ sinh môi trường.	Duy trì, phát huy thực hiện tốt kết quả đã đạt được
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	UBND tỉnh quy định cụ thể	BCHQS xã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, được cấp trên đánh giá cao và khen thưởng hàng năm. Lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo đủ số lượng, được huấn luyện và thực hiện nhiệm vụ đúng quy định.	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung cần thực hiện
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	UBND tỉnh quy định cụ thể	Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên. Xã có mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội với 07 tổ tự quản (có 6 thành viên/tổ) tại 03 thôn thường xuyên phối hợp với lực lượng công an chính quy đảm bảo ANTT địa phương, chủ động phòng ngừa, phối hợp đấu tranh với các tệ nạn xã hội.	Lực lượng công an xã tăng cường công tác tuần tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hình thức tội phạm và tệ nạn xã hội. Triển khai thực hiện mô hình camera an ninh theo hướng dẫn của cấp trên (nếu có).

Phụ biểu 02:
Tiêu chí phân đầu xây dựng xã NTM kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung,
định hướng ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 xã Minh Tiến
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2022 của UBND xã Minh Tiến)

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phân đầu thực hiện	Định mức phân đầu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
I	Kết cấu hạ tầng và Quy mô sản xuất	Có kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đồng bộ (giao thông, thủy lợi, điện, kho chứa, điểm tập kết và tiêu thụ nông sản...), đáp ứng hiệu quả nhu cầu sản xuất, tiêu thụ và kết nối nội vùng, liên vùng	Hệ thống đường xã, liên xã: Đạt quy mô tối thiểu đường cấp A theo tiêu chuẩn đường GTNT, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m; mặt đường nhựa hoặc BTXM.	8,8km/8,8km (đạt 100%) được cứng hóa đạt chuẩn	Tiếp tục duy tu, nâng cấp các tuyến đường đã đạt chuẩn theo hỗ trợ phát triển KT-XH của BTV huyện ủy và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của UBND xã	100%	
			Hệ thống đường thôn, liên thôn: Đạt quy mô tối thiểu đường cấp B theo tiêu chuẩn GTNT, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m; mặt đường nhựa hoặc BTXM.	6,1/6,1km (đạt 100%) được cứng hóa đạt chuẩn		100%	
			Đường ngõ, xóm: Đạt quy mô tối thiểu đường cấp c theo tiêu chuẩn GTNT: chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m, nền 4m; mặt đường nhựa hoặc BTXM.	18,72/18,72km (đạt 100%) được cứng hóa đạt chuẩn		100%	

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Đường trục chính nội đồng ra các vùng sản xuất tập trung: Đạt quy mô đường cấp A theo tiêu chuẩn đường GTNT; chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m; mặt đường cứng hóa bằng nhựa, BTXM, cấp phối...	Tỷ lệ đường trục chính nội đồng ra vùng sản xuất tập trung là 3,32km (đạt 35%)	Tiếp tục nâng cấp, làm mới BTXM các tuyến đường trục chính ra vùng sản xuất tập trung theo hỗ trợ phát triển KT-XH của BTV huyện ủy và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của UBND xã	100%	2023
			Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 430,69ha/430,69ha; tiêu chủ động là 607,08ha/607,08ha (đạt 100%).	Hoàn thành/vượt chỉ tiêu kế hoạch nạo vét Đông Xuân hàng năm (mương máng tiêu thủy lợi nội đồng) do UBND huyện giao, đảm bảo khơi thông dòng chảy, duy trì kết quả thực hiện 100% diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động	100%	
			100% các vùng sản xuất tập trung và cơ sở sản xuất nông nghiệp có điện đáp ứng nhu cầu sản xuất	Thôn Phù Oanh có khoảng 300m đường điện ra vùng sản xuất tập trung, 02 thôn Phạm Xá, Kim Phương chưa có	Mỗi thôn xây dựng tối thiểu 01 tuyến đường điện ra vùng sản xuất tập trung	Đạt	2025

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Có hệ thống kho chứa, sân phơi, cơ sở chế biến, điểm tập kết và tiêu thụ sản phẩm...đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	Xã có 01 HTXNN Minh Tiến có 01 kho lạnh (60m ³) giúp bảo quản nhãn, vải tươi sau thu hoạch, có 02 lò sấy long nhãn công suất 1 tấn/ngày.	HTXNN Minh Tiến xây dựng 01 nhà xưởng 200m ² đạt chuẩn để tập kết, chế biến, đóng gói, vận chuyển đi tiêu thụ sản phẩm nhãn, vải (sản xuất theo quy trình VietGAP)	Đạt	2023
		Sản phẩm nông nghiệp được sản xuất trên quy mô, khối lượng hàng hóa lớn, nằm trong quy hoạch; có các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đối với sản phẩm chủ lực; quy mô diện tích các sản phẩm tại vùng sản xuất tập trung đáp ứng đủ điều kiện để đạt tiêu chuẩn vùng sản xuất GAP và ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất gắn với BVMT	- Diện tích mỗi vùng chuyển đổi đều phải có quy mô lớn (trồng cây ăn quả có quy mô tối thiểu từ 05 ha trở lên; vùng chăn nuôi tập trung xa khu dân cư có diện tích tối thiểu từ 03 ha trở lên; vùng an bán nội có diện tích tối thiểu từ 02 ha trở lên)	- Xã có 240,15 ha diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây vải lai chín sớm tại 08 vùng quy hoạch, quy mô tối thiểu mỗi vùng đạt trên 12ha. - Xã có 01 Công ty TNHH Minh Tiến (chăn nuôi gà, tổng diện tích 05 ha) cách xa khu dân cư. - Xã không có vùng ao bán nội.	- Tiếp tục thực hiện chuyển trồng cây vải lai chín sớm, phấn đấu đến năm 2023, 100% diện tích đất trồng lúa chuyển sang trồng cây vải lai chín sớm (trừ 05ha diện tích đất quốc phòng tại thôn Kim Phương và 03 ha diện tích quy hoạch mở rộng đền Phương Hoàng thôn Phù Oanh). - Xây dựng 01 khu chăn nuôi tập trung có diện tích ≥3ha (cách xa khu dân cư) tại thôn Phù oanh.	Đạt	2023-2025

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
2	Tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm	Được tổ chức sản xuất theo hình thức trang trại, HTX, THT, nông hộ; hình thành các mô hình liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm giữa tổ chức của nông dân với doanh nghiệp; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch, dịch vụ	Số HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả, có hợp đồng với các doanh nghiệp về một hoặc nhiều nội dung liên quan đến cung ứng dịch vụ đầu vào, thực hành sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm...	- Xã có 01HTX hoạt động hiệu quả, có sản phẩm quả vải lai chín sớm đạt 3 sao OCOP, vụ nhãn năm 2021 liên kết với 2 công ty tại Hải Dương xuất 15 tấn nhãn sang thị trường nước ngoài, HTX có 25,6 ha diện tích (liên kết sản xuất với các hộ dân) sản xuất theo quy trình VietGAP. - HTX phối hợp cùng chi cục BVTV tỉnh, thực hiện mô hình sản xuất vải theo tiêu chuẩn OTAS với diện tích 12,8 ha của 93 hộ dân.	HTXNN Minh Tiến tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển sản xuất, từ vụ vải năm 2022 liên kết với công ty OTAS trong việc hướng dẫn người dân sản xuất quả vải đạt chuẩn xuất sang thị trường nước ngoài.	100%	2023
			Trang trại sản xuất các cây trồng, vật nuôi chủ lực áp dụng các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc quy trình sản xuất được khuyến khích	Xã có 01 trang trại chăn nuôi gà (Công ty TNHH Minh Tiến) áp dụng công nghệ tự động trong chăn nuôi.	Phát huy thực hiện tốt nội dung tiêu chí	100%	

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Số trang trại có hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp	Xã có 01 trang trại chăn nuôi gà (Công ty TNHH Minh Tiến) có hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp và trang trại	Phát huy thực hiện tốt nội dung tiêu chí	100%	
			Số hộ có thu nhập chính từ các sản phẩm chủ lực khi tham gia các mô hình liên kết (HTX, THT)	Xã có 01 HTXNN Minh Tiến liên kết sản xuất với 127 hộ dân sản xuất theo quy trình VietGAP, vụ vải, năm 2021 thu nhập bình quân 45 triệu đồng/thành viên.	Tiếp tục mở rộng quy mô cũng như chất lượng vùng sản xuất vải VietGAP nhằm nâng cao năng xuất, chất lượng, giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho hộ tham gia mô hình liên kết sản xuất	≥ 50%	2023
			Số HTX nông nghiệp thành lập mới	Xã có 1HTXNN Minh Tiến hoạt động theo luật HTX 2012	HTXNNMinh Tiến phấn đấu trở thành HTX sản xuất ứng dụng công nghệ cao		2025

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.	Vụ nhãn năm HTXNN Minh Tiến liên kết với 02 công ty tại Hải Dương xuất khẩu quả nhãn tươi (nhãn Hương chi) sang thị trường nước ngoài	Từ vụ nhãn vải năm 2022 HTX tiếp tục liên kết doanh nghiệp xuất khẩu quả nhãn, long nhãn sang thị trường nước ngoài; liên kết theo chuỗi giá trị với công ty cổ phần OTAS GLOBAL xuất khẩu quả vải sang thị trường nước ngoài	100%	2022
			Hỗ trợ xây dựng tập trung vào các nội dung: Máy nông nghiệp; nhà lạnh, kho lạnh; tủ sấy công nghệ cao; các máy móc, thiết bị chăn nuôi tự động, làm mát; xây dựng nhà kính, nhà lưới,...	HTXNN Minh Tiến có 01 kho lạnh, 02 lò sấy long nhãn bằng điện	Tiếp nhận, triển khai có hiệu quả các chương trình, cơ chế chính sách hỗ trợ của cấp trên về máy nông nghiệp; nhà lạnh, kho lạnh; tủ sấy công nghệ cao; các máy móc, thiết bị chăn nuôi tự động, làm mát; xây dựng nhà kính, nhà lưới...		2023-2025
			Số sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và được xuất khẩu	Sản phẩm đã xuất khẩu: Quả nhãn Hương chi (của HTXNN Minh Tiến)	Có thêm 2 sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và được xuất khẩu: Quả vải lai chín sớm, long nhãn	3 sản phẩm	2023

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
3	Ứng dụng CNC trong sản xuất nông nghiệp	Thực hành sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt và các tiêu chuẩn chứng nhận được khuyến khích; áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong hầu hết các khâu của quy trình sản xuất, tạo ra sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao từ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến cho đến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; các mô hình nông nghiệp ứng dụng CNC áp dụng ít nhất 4-5 yếu tố cần thiết.	Áp dụng 100% cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch; 50% diện tích gieo cấy bằng máy (sử dụng mạ khay) trong sản xuất lúa	Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong các khâu như sau: Làm đất 100%; thu hoạch lúa 80%; diện tích gieo cấy máy vụ Xuân 2022 là 11,5%	Duy trì có giới hóa trong khâu làm đất đạt 100%; phấn đấu 100% diện tích được thu hoạch bằng máy; 50% diện tích gieo cấy bằng máy	Đạt	2023
			Diện tích rơm, rạ sau thu hoạch được xử lý bằng các chế phẩm sinh học.	Sau thu hoạch vụ lúa Xuân năm 2021 có 54% diện tích rơm rạ được được xử lý bằng các chế phẩm sinh học (chế phẩm do trạm khuyến nông huyện hỗ trợ)	Tiếp nhận, sử dụng có hiệu quả chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ do cấp trên hỗ trợ, tuyên truyền vận động nhận dân xử lý rơm rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm sinh học	≥50%	2023
			Diện tích chuyển đổi trồng cây ăn quả được sản xuất theo quy trình GAP và được trồng thành vùng tập trung (chủ yếu phát triển mở rộng diện tích trong vải, cây có múi); sử dụng các loại phân bón hữu cơ; sử dụng máy móc trong chăm sóc (máy phun thuốc sâu có động cơ);	Xã có 21,77 ha nhãn sản xuất theo quy trình VietGAP theo vùng tập trung	Giao cho HTXNN Minh Tiến tiếp tục thực hiện mở rộng quy mô sản xuất theo mô hình VietGAP tại các vùng chuyển đổi trồng vải (theo vùng tập trung), Global GAP (nếu có)... đạt trên 50% ; sử dụng các loại phân bón hữu cơ; sử dụng máy móc trong chăm sóc (máy phun thuốc sâu có động cơ).	≥50%	2023-2025

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ về công nghệ (trồng cây trong giá thể, thủy canh) để phát huy hiệu quả của các nhà lưới hiện có; thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà kính, nhà lưới và thực hiện các dự án trong các khu quy hoạch công nghệ cao của huyện).	Không có mô hình nhà lưới	Tiếp nhận, triển khai có hiệu quả hỗ trợ của cấp trên để xây dựng, phát huy hiệu quả mô hình nhà lưới (nếu có)		
			- Trong chăn nuôi: Các trang trại chăn nuôi đầu tư mới tại các khu được quy hoạch khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư được thực hiện theo mô hình chuồng trại chăn nuôi kín; ứng dụng các máy móc, thiết bị làm mát; có sử dụng các thiết bị tự động (cho ăn, uống; vệ sinh chuồng trại; tách, ép phân;...).		Dự kiến quy hoạch xây dựng mới 01 khu chăn nuôi tập trung xa khu dân cư đáp ứng yêu cầu tiêu chí	100%	2023

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
			Nhân rộng mô hình nuôi thủy sản theo hình thức ao bán nổi, mô hình nuôi cá sông trong ao; khuyến khích, tạo điều kiện để tìm kiếm, đưa vào nuôi các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường (Chép lai VI; trắm; tôm đồng; cá rô đồng; lươn; ốc nhồi; cà ra,...); sử dụng các thiết bị sục tạo ô xy, tạo dòng chảy, máy cho ăn,... trong nuôi thủy sản.	Xã không có mô hình nuôi thủy sản thâm canh	Tiếp nhận và triển khai có hiệu quả hỗ trợ của cấp trên để thực hiện nuôi thủy sản thâm canh (nếu có)		
4	Hiệu quả và bền vững	Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả kinh tế cho người sản xuất; đảm bảo hài hòa các lợi ích xã hội, sản xuất nông nghiệp thân thiện với môi trường, bảo vệ cảnh quan,	Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp hàng năm	Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp trung bình đạt trên 12%/năm	Duy trì, phát duy kết quả nội dung tiêu chí		
			Giá trị thu nhập/1 ha trồng trọt, thủy sản.	Giá trị thu nhập trên 1 ha trồng trọt, thủy sản năm 2021 đạt 175 triệu đồng/ha	Phát triển sản xuất, tăng năng xuất, chất lượng trong chăn nuôi, trồng trọt	Trên 250 triệu đồng	2023

TT	Nhóm tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện đến tháng 2/2022	Nội dung phấn đấu thực hiện	Định mức phấn đấu thực hiện	Năm dự kiến hoàn thành
		đảm bảo an toàn sức khỏe cho người sản xuất, không tiêu hao, lãng phí cơ hội của thế hệ mai sau, đứng vững trước những biến động của thị trường, khí hậu và xã hội.	Số cơ sở sản xuất nông nghiệp thực hành sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường, không gây suy thoái các nguồn tài nguyên;	Hàng năm UBND xã tổ chức kiểm tra và ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm tới các cơ sở sản xuất nông nghiệp (Trên địa bàn xã nhiều năm qua không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra). Xã vẫn còn tình trạng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng bị vất bỏ tại các kênh, mương, đường ra đồng gây ảnh hưởng đến môi trường và chất lượng nước.	Tăng cường công tác kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn cơ sở sản xuất nông nghiệp thực hành sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai lắp đặt khoanh cống đưng bao bì thuốc BVTV tại các đường trục chính ra đồng (theo hỗ trợ của cấp trên) nhằm đảm bảo không còn tình trạng ô nhiễm môi trường do lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật bị vất bỏ bừa bãi tại các cánh đồng, mương nước...	100%	2023